**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN CÔNG NGHỆ 10**

**NỘI DUNG ÔN TẬP BÀI 53: XÁC ĐỊNH KẾ HOẠCH KINH DOANH**

Câu 1: Trong điều kiện kinh tế thị trường, các doanh nghiệp kinh doanh theo nguyên tắc:

**A. “Bán cái thị trường cần”.**

B. “Phi thương bất phú”.

C. “Quen mặt đắt hàng”.

D. “Đầu cơ buôn lậu”.

Câu 2: Khi xác định kế hoạch kinh doanh, ta căn cứ vào khả năng của doanh nghiệp, tức là căn cứ vào:

A. Đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa

B. Chủ trương, đường lối chính sách của pháp luật và Nhà nước.

C. Sở thích, nguyện vọng của chủ doanh nghiệp.

**D. Vốn, lao động, công nghệ, thiết bị…**

Câu 3: Khi xác định kế hoạch kinh doanh, ta căn cứ vào nhu cầu thị trường, tức là căn cứ vào:

**A. Đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua bán hàng hóa**

B. Chủ trương, đường lối chính sách của pháp luật và Nhà nước.

C. Sở thích, nguyện vọng của chủ doanh nghiệp.

D. Vốn, lao động, công nghệ, thiết bị…

Câu 4: Về lâu dài, các doanh nghiệp đều hướng tới mục tiêu:

A. Mở rộng thị trường

B. Phát triển kinh doanh

C. Cải tiến kĩ thuật

**D. Tìm kiếm lợi nhuận**

Câu 5: Lập kế hoạch kinh doanh thường căn cứ vào mấy yếu tố cơ bản?

A. 2

B. 3

**C. 4**

D. 5

Câu 6: Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp được xây dựng trên bao nhiêu phương diện cơ bản?

A. 2

B. 3

C. 4

**D. 5**

Câu 7: Trong những căn cứ lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, căn cứ quan trọng nhất là:

**A. Nhu cầu thị trường**

B. Lợi nhuận thu được

C. Pháp luật hiện hành

D. Tình hình phát triển kinh tế- xã hội

Câu 8: Yếu tố nào không là nội dung của kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp?

**A. Kế hoạch phát triển kinh tế**

B. Kế hoạch mua, bán hàng

C. Kế hoạch sản xuất

D. Kế hoạch tài chính, lao động

Câu 9: Kế hoạch sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp được xác định bằng:

A. Vốn hàng hóa + tiền công + tiền thuế

B. Doanh số bán hàng (dịch vụ) / Định mức lao động của một người

C. Mức bán kế hoạch (±) Nhu cầu dự trữ hàng hóa

**D. Năng lực sản xuất 1 tháng × số tháng**

Câu 10: Kế hoạch vốn kinh doanh của doanh nghiệp được xác định căn cứ vào đặc điểm nào?

**A. Vốn hàng hóa + tiền công + tiền thuế**

B. Doanh số bán hàng (dịch vụ) / Định mức lao động của một người

C. Mức bán kế hoạch (±) Nhu cầu dự trữ hàng hóa

D. Năng lực sản xuất 1 tháng × số tháng

Câu 11: Kế hoạch lao động cần sử dụng của doanh nghiệp được thể hiện ở đặc điểm nào?

A. Vốn hàng hóa + tiền công + tiền thuế

**B. Doanh số bán hàng (dịch vụ) / Định mức lao động của một người**

C. Mức bán kế hoạch (±) Nhu cầu dự trữ hàng hóa

D. Năng lực sản xuất 1 tháng × số tháng

Câu 12: Kế hoạch lao động của doanh nghiệp thể hiện điều gì?

A. Số lượng lao động cần sử dụng và chi phí thuê lao động.

B. Chi phí thuê lao động và loại lao động phù hợp.

**C. Số lượng lao động cần sử dụng và loại lao động phù hợp.**

D. Chi phí quản lí và Số lượng lao động cần sử dụng

Câu 13: Trong trường hợp doanh nghiệp bán lẻ trên thị trường thì kế hoạch bán hàng được xác định trên cơ sở:

**A. Dự đoán nhu cầu của thị trường.**

B. Vốn và khả năng huy động vốn.

C. Đơn đặt hàng của người quen.

D. Phát triển sản xuất ở địa phương.

Câu 14: Lập kế hoạch kinh doanh không cần dựa vào yếu tố nào sau đây:

A. Nhu cầu thị trường

**B. Sở thích cá nhân**

C. Pháp luật hiện hành

D. Khả năng của doanh nghiệp

Câu 15: Đối với doanh nghiệp bán lẻ, kế hoạch bán hàng phụ thuộc vào:

**A. Mức bán thực tế và các yếu tố tăng giảm**

B. Mức bán thực tế và nhu cầu dự trữ hàng hóa

C. Mức bán kế hoạch và các yếu tố tăng giảm

D. Vốn hàng hóa và nhu cầu dự trữ hàng hóa

Câu 16: Đối với doanh nghiệp bán lẻ, kế hoạch mua hàng phụ thuộc vào:

A. Mức bán thực tế và mức bán kế hoạch

**B. Mức bán kế hoạch và nhu cầu dự trữ**

C. Mức bán thực tế và nhu cầu sử dụng

D. Mức bán kế hoạch và vốn hàng hóa

Câu 17: Văn bản thể hiện mục tiêu phát triển của doanh nghiệp trong thời kì nhất định là:

A. Kế hoạch huy động vốn của doanh nghiệp.

B. Kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp.

C. Kế hoạch tổ chức và quản lí doanh nghiệp.

**D. Kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp.**

Câu 18: Một doanh nghiệp Z sản xuất được 5000 sản phẩm/tháng, nhu cầu thị trường khoảng 3000 sản phẩm/tháng. Vậy kế hoạch sản xuất 1 năm của doanh nghiệp là:

A. 9000 sản phẩm

**B. 36000 sản phẩm**

C. 15000 sản phẩm

D. 60000 sản phẩm

Câu 19: Một doanh nghiệp X sản xuất được 3000 sản phẩm/tháng, nhu cầu thị trường đang rất cần. Vậy kế hoạch sản xuất 1 năm của doanh nghiệp là:

A. 38000 sản phẩm

**B. 36000 sản phẩm**

C. 60000 sản phẩm

D. 12000 sản phẩm

Câu 20: Một doanh nghiệp Y sản xuất được 5000 sản phẩm/tháng, nhu cầu thị trường đang rất cần. Vậy kế hoạch sản xuất 1 quý của doanh nghiệp là:

A. 10000 sản phẩm

**B. 15000 sản phẩm**

C. 20000 sản phẩm

D. 25000 sản phẩm

NỘI DUNG ÔN TẬP BÀI 54: THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

Câu 1: Mục đích của việc phân tích phương án kinh doanh là gì?

**A. Chứng minh được ý tưởng kinh doanh là đúng, triển khai hoạt động kinh doanh là cần thiết**

B. Chứng minh được nhu cầu vốn đầu tư cho từng cơ hội kinh doanh là cần thiết

C. Chứng minh được lợi nhuận của từng cơ hội kinh doanh là cần thiết

D. Chứng minh được mức độ rủi ro của từng cơ hội kinh doanh là cần thiết

Câu 2: Để xây dựng phương án kinh doanh thì việc làm rất cần thiết là gì?

A. Công nghệ

B. Chứng minh ý tưởng kinh doanh

**C. Nguyên cứu thị trường**

D. Mức độ rủi ro

**Câu 3:** Thế nào là khách hàng tiềm năng?

A. Là những khách hàng thường xuyên có quan hệ mua, bán hàng hóa với doanh nghiệp.

B. Là những khách hàng thường xuyên có quan hệ mua hàng hóa với doanh nghiệp.

C. Là những khách hàng thường xuyên có quan hệ bán hàng hóa với doanh nghiệp.

**D. Là những khách hàng mà doanh nghiệp có khả năng phục vụ và họ sẽ đến với doanh nghiệp**

 **Câu 4:** Thế nào là khách hàng hiện tại?

**A. Là những khách hàng thường xuyên có quan hệ mua, bán hàng hóa với doanh nghiệp.**

B. Là những khách hàng thường xuyên có quan hệ mua hàng hóa với doanh nghiệp.

C. Là những khách hàng thường xuyên có quan hệ bán hàng hóa với doanh nghiệp.

D. Là những khách hàng mà doanh nghiệp có khả năng phục vụ và họ sẽ đến với doanh nghiệp

**Câu 5:** Xác định nhu cầu tài chính cho từng cơ hội kinh doanh không bao gồm:

A. Nhu cầu vốn đầu tư cho từng cơ hội kinh doanh

B. Lợi nhuận của từng cơ hội

C. Khi nào hòa vốn

**D. Mức độ rủi ro**

**Câu 6:** Sắp xếp thứ tự các cơ hội kinh doanh theo các tiêu chí không bao gồm tiêu chí nào?

A. Sở thích

**B. Công nghệ**

C. Chỉ tiêu tài chính

D. Mức độ rủi ro

Câu 7: Ông cha ta thường có câu “ Phi thương bất phú” có nghĩa là gì?

**A. Muốn làm giàu thì phải kinh doanh.**

B. Muốn làm giàu thì không nên kinh doanh

C. Muốn phát triển ra tìm hiểu thị trường

D. Chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp

Câu 8: Yếu tố nào quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp?

A. Công nghệ

B. Ý tưởng kinh doanh

**C. Thị trường**

D. Mức độ rủi ro

Câu 9: Thị trường của doanh nghiệp bao gồm những gì?

**A. Khách hàng tiềm năng, khách hàng hiện tại**

B. Khách hàng thường xuyên có quan hệ mua hàng hóa với doanh nghiệp.

C. Khách hàng thường xuyên có quan hệ bán hàng hóa với doanh nghiệp.

D. Khách hàng mà doanh nghiệp có khả năng phục vụ và họ sẽ đến với doanh nghiệp

Câu 10: Nguyên cứu thị trường của doanh nghiệp có nghĩa là gì?

**A. Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp**

B. Ý kiến của khách hàng đối với sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp

C. Mong muốn của khách hàng đối với sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp

D. Phản hồi của khách hàng đối với sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp

Câu 11: Nhu cầu của khách hàng đối với sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp phụ thuộc vào bao nhiêu yếu tố cơ bản?

A. 2

**B. 3**

C. 4

D. 5

Câu 12: Yếu tố phụ thuộc khi nghiên cứu nhu cầu khách hàng?

**A. Thu nhập bằng tiền của dân cư, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, giá cả hàng hóa trên thị trường**

B. Thu nhập bằng tiền của dân cư, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguồn lực của doanh nghiệp

C. Thu nhập bằng tiền của dân cư, nguồn lực của doanh nghiệp, giá cả hàng hóa trên thị trường

D. Thu nhập bằng tiền của dân cư, nguồn lực của doanh nghiệp, khả năng tổ chức quản lí

Câu 13: Nguồn lực của doanh nghiệp gồm những yếu tố nào?

A. Vốn, nhân sự, lao động

B. Vốn, cơ sở vật chất, công nghệ

C. Máy móc, tài chính, quản lý

**D. Vốn, nhân sự, cơ sở vật chất**

Câu 14: Khả năng kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào các yếu tố cơ bản nào/?

A. Thu nhập bằng tiền của dân cư, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, giá cả hàng hóa trên thị trường

B. Thu nhập bằng tiền của dân cư, nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, nguồn lực của doanh nghiệp

C. Lợi thế tự nhiên của doanh nghiệp, nguồn lực của doanh nghiệp, giá cả hàng hóa trên thị trường

**D. Lợi thế tự nhiên của doanh nghiệp, nguồn lực của doanh nghiệp, khả năng tổ chức quản lí**

Câu 15: Để xác định khả năng kinh doanh của doanh nghiệp ta cẳn cứ vào?

**A. Kết quả nghiên cứu thị trường**

B. Doanh thu

C. Lợi nhuận

D. Tỉ lệ sinh lời

Câu 16: Lựa chọn cơ hội kinh doanh dựa vào bao nhiêu nội dung cơ bản?

A. 2

**B. 3**

C. 4

D. 5

Câu 17: Tiến hành tìm hiểu giá cả hàng hóa trên thị trường của doanh nghiệp là một quá trình nào?

A. Xác định ý tưởng kinh doanh

B. Xác định nguồn lực doanh nghiệp

**C. Nghiên cứu thị trường**

D. Nguyên cứu tài chính

Câu 18: Để lựa chọn cơ hội kinh doanh phù hợp cho doanh nghiệp, nhà kinh doanh tiến hành bao nhiêu bước?

A. 2

**B. 6**

C. 4

D. 5

Câu 19: Các lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp

**A. Sản xuất, thương mại, dịch vụ**

B. Sản xuất, bán hàng, dịch vụ

C. Sản xuất, thương mại, mua bán hàng hóa

D. Mua bán hàng hóa, thương mại, dịch vụ

Câu 20: Sắp xếp thứ tự các cơ hội kinh doanh theo các tiêu chí như thế nào ?

**A. Sở thích, tiêu chí tài chính, mức độ rủi ro**

B. Sở thích, mức độ rủi ro, tiêu chí tài chính

C. Mức độ rủi ro, tiêu chí tài chính, sở thích

D. Mức độ rủi ro, sở thích, tiêu chí tài chính

Câu 21: Xác định khả năng và nguồn lực của doanh nghiệp gồm?

A. Vốn, công nghệ, nhân lực

**B. Vốn, công nghệ, nhân lực, thời gian**

C. Công nghệ, nhân lực, thời gian

D. Công nghệ, nhân lực, vốn

Câu 22: Tiến hành tìm hiểu thu nhập bằng tiền của dân cư là một quá trình nào?

A. Xác định ý tưởng kinh doanh

B. Xác định nguồn lực doanh nghiệp

**C. Nghiên cứu thị trường**

D. Nguyên cứu tài chính

Câu 23: Tiến hành tìm hiểu nhu cầu tiêu dùng hàng hóa là một quá trình nào?

A. Xác định ý tưởng kinh doanh

B. Xác định nguồn lực doanh nghiệp

**C. Nghiên cứu thị trường**

D. Nguyên cứu tài chính

Câu 24: Xác định lợi thế tự nhiên của doanh nghiệp là yếu tố để doanh nghiệp?

**A. Xác định khả năng của doanh nghiệp**

B. Xác định nguồn lực doanh nghiệp

C. Nghiên cứu thị trường

D. Nguyên cứu tài chính

Câu 25: Xác định khả năng quản lí của doanh nghiệp là yếu tố để doanh nghiệp?

**A. Xác định khả năng của doanh nghiệp**

B. Xác định nguồn lực doanh nghiệp

C. Nghiên cứu thị trường

D. Nguyên cứu tài chính

**TRẮC NGHIỆM BÀI 55**

**Câu 1:** Các cá nhân trong doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi nội quy và quy chế của doanh nghiệp là nội dung đặc trưng nào trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp?

1. Tính tập trung

B. Tính tiêu chuẩn hóa

C. Tính tập thể

D. Tính chuyên môn hóa

**Câu 2:** Quyền lực của tổ chức tập trung vào một cá nhân hay một bộ phận là nội dung đặc trưng nào trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp?

A. Tính tập trung

B. Tính tiêu chuẩn hóa

C. Tính tập thể

D. Tính chuyên môn hóa

**Câu 3:** Trong mô hình cấu trúc đơn giản của doanh nghiệp nhỏ ai là người xử lí thông tin và giải quyết mọi vấn đề của doanh nghiệp

A.Nhân viên kế toán

B.Giám đốc doanh nghiệp

C.Quản lí

D. Tổ trưởng

**Câu 4:** Đâu là công việc chính của phòng tổ chức nhân sự?

A. Bán hàng

B. Phân chia vốn kinh doanh

C. Tuyển dụng và quản lí nhân sự

D. Phân chia cơ sở vật chất, kĩ thuật

**Câu 5:** Đâu không phải là công việc của phòng kinh doanh?

A. Bán hàng

B. Mua nguyên vật liệu

C. Tính tiền lương

D. Thu công nợ

**Câu 6:** Đâu không phải là công việc của phòng kế toán?

A. Tính tiền thuế

B. Tính thu chi

C. Tính tiền lương

D. Phân chia cơ sở vật chất, kĩ thuật

**Câu 7:** Việc phân chia tài chính của doanh nghiệp dựa vào đâu?

A. Nhu cầu mua bán hàng hóa và dịch vụ

B. Nguyên tắc hiệu quả

C. Giám đốc doanh nghiệp

D. Phân chia cơ sở vật chất, kĩ thuật

**Câu 8:** Việc phân chia sử dụng các nguồn lực khác của doanh nghiệp (máy móc, thiết bị,...) dựa vào đâu?

A. Nhu cầu mua bán hàng hóa và dịch vụ

B. Nguyên tắc hiệu quả

C. Giám đốc doanh nghiệp

D. Phân chia cơ sở vật chất, kĩ thuật

**Câu 9:** Doanh nghiệp phân công lao động trên cơ sở nào?

A. Theo ý giám đốc

B. Theo nguyên tắc hiệu quả

C. Xuất phát từ công việc để dùng người

D. Một lao động có thể làm nhiều việc khác nhau

**Câu 10:** Công việc nào không có trong quá trình thực hiện kế hoach kinh doanh của doanh nghiệp?

A. Xác định lĩnh vực kinh doanh

B. Phân chia vốn kinh doanh

C. Phân công lao động

D. Phân chia cơ sở vật chất, kĩ thuật

**Câu 11:** Doanh nghiệp cần tính toán kĩ khi lựa chọn nguồn vốn nào?

A. Vốn của chủ doanh nghiệp

B. Vốn của thành viên

C. Vốn vay

D. Vốn của nhà cung ứng

**Câu 12:** Điều gì xảy ra khi xác định vốn kinh doanh thấp hơn so với yêu cầu?

A. Thiếu vốn kinh doanh

B. Tăng hiệu quả kinh doanh

C. Gây lãng phí

D. Tăng lợi nhuận kinh doanh

**Câu 13:** Để đảm bảo các kế hoach kinh doanh của doanh nghiệp được thực hiện tốt thì doanh nghiệp cần làm công việc nào?

A. Tăng tiền thưởng

B. Theo dõi thực hiện kế hoạch

C. Tuyển nhiều nhân sự

D. Tăng thời gian nghỉ cho nhân viên

**Câu 14:** Hạch toán kinh tế là gì?

A. Đơn vị tính toán chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

B. Việc điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

C. Việc tính toán chi phí và doanh thu của doanh nghiệp.

D. Việc thu ngân và điều chỉnh hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

**Câu 15:** Ý nghĩa của việc hạch toán kinh tế là gì?

A. Để giúp cho chủ doanh nghiệp có biện pháp điều chỉnh hoạt động kinh doanh cho phù hợp

B. Để điều chỉnh thu chi của doanh nghiệp.

C. Để tính lợi nhuận.

D. Để đóng thuế thu nhập doanh nghiệp.

**Câu 16:** Các nguồn lực của doanh nghiệp không bao gồm yếu tố nào sau đây?

A. Tài chính

B. Nhân lực

C. Trang thiết bị, máy móc

D. Nhu cầu bán hàng

**Câu 17:** Mô hình cơ cấu tổ chức doanh nghiệp vừa và lớn gồm mấy loại cấu trúc?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

**Câu 18:** Có mấy chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp?

A. 4

B. 5

C. 6

D. 7

**Câu 19:** Tiền bán sản phẩm hàng hóa và tiền thu từ hoạt động dịch vụ của doanh nghiệp gọi là gì?

A. Lợi nhuận

B. Doanh thu

C. Chi phí

D. Vốn kinh doanh

**Câu 20:** Loại chi phí nào của doanh nghiệp thường được xác định bằng một tỉ lệ phần trăm nhất định trên doanh thu?

1. Chi phí mua nguyên vật liệu
2. Chi phí tiền lương

C. Chi phí mua hàng

D. Chi phí cho quản lí.

**Câu 21:** Chỉ tiêu nào đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp về quy mô?

A. Lợi nhuận

B. Doanh thu và thị phần

C. Mức giảm chi phí

D. Tỉ lệ sinh lời

**Câu 22:** Chỉ tiêu nào đánh giá hiệu quả quản lí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp?

A. Lợi nhuận

B. Doanh thu và thị phần

C. Mức giảm chi phí

D. Tỉ lệ sinh lời

**Câu 23:** Chỉ tiêu nào cho ta biết một đồng vốn bỏ vào kinh doanh thì thu được bao nhiêu lợi nhuận tương ứng?

A. Lợi nhuận

B. Doanh thu và thị phần

C. Mức giảm chi phí

D. Tỉ lệ sinh lời

**Câu 24:** Trong kinh doanh muốn tăng lợi nhuận thì chúng ta phải làm cách nào?

1. Tăng doanh thu, tăng chi phí

B. Giảm doanh thu, giảm chi phí

C. Giảm doanh thu, tăng chi phí

D. Tăng doanh thu, giảm chi phí

**Câu 25:** Biện pháp nào nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp tốt nhất?

A. Xác định cơ hội kinh doanh phù hợp với doanh nghiệp

B. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

C. Đổi mới công nghệ kinh doanh

D. Tiết kiệm chi phí

**TRẮC NGHIỆM BÀI 56**

**Câu 1:** Lợi nhuận kinh doanh của doanh nghiệp là:

A. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong 1 năm.

B. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong 10 năm.

C. Phần chênh lệch giữa 1 phần doanh thu và tổng chi phí trong 1 thời kì nhất định.

**D. Phần chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí trong 1 thời kì nhất định.**

**Câu 2:** Doanh thu của doanh nghiệp bằng:

**A. Số lượng sản phẩm bán được x giá bán một sản phẩm.**

B. Số lượng sản phẩm mua được x giá bán một sản phẩm.

C. Số lượng sản phẩm bán được x giá mua một sản phẩm.

D. Số lượng sản phẩm mua được x giá mua một sản phẩm.

Câu 3: Doanh nghiệp A thuê 4 lao động, mỗi lao động nhận lương 120.000đ/ người/ ngày. Tính chi phí chi trả cho lao động trong 1 tháng của DN A.

A. 14.480.000 đồng

**B. 14.400.000 đồng**

C. 14.000.000 đồng

D. 14.200.000 đồng

Câu 4: Công ty X thuê kho sản xuất hàng với giá tiền 15.000.000đ/ 1 tháng; chi phí thuê 02 bảo vệ hàng tháng là 5.000.000đ/ 1 người/ 1 tháng; chi phí mua nguyên liệu sản xuất là 42.000.000đ/ 1 tháng. Tính tổng chi phí của Công ty X.

A. 62.000.000 đồng

B. 65.000.000 đồng

**C. 67.000.000 đồng**

D. 72.000.000 đồng

Câu 5: Doanh nghiệp B kinh doanh 02 mặt hàng, mặt hàng XX có giá 9.000đ/sản phẩm dự kiến mua vào 800 sản phẩm; mặt hàng ZZ có giá 12.000đ/sản phẩm dự kiến mua vào 500 sản phẩm. Tổng chi phí mua hàng của DN B.

A. 14.200.000 đồng

B. 11.200.000 đồng

C. 15.200.000 đồng

**D. 13.200.000 đồng**

Câu 6: Cửa hàng O kinh doanh phở, trung bình mỗi ngày bán được 300 tô với giá 28.000đ/ tô. Giả sử lợi nhuận bằng 30% tổng doanh thu. Xác định lợi nhuận của cửa hàng.

**A. 2.520.000 đồng**

B. 8.400.000 đồng

C. 5.880.000 đồng

D. 3.360.000 đồng

Câu 7: Cửa hàng M kinh doanh trà sữa, trung bình mỗi ngày bán được 250 ly với giá 32.000đ/ ly. Giả sử lợi nhuận bằng 20% tổng doanh thu. Xác định lợi nhuận của cửa hàng.

A. 6.400.000 đồng

**B. 1.600.000 đồng**

C. 2.400.000 đồng

D. 8.000.000 đồng

Câu 8: Cửa hàng H bán cơm, mua nguyên vật liệu mỗi ngày như sau: 20kg gạo giá 18.000đ/ 1 kg; 10kg thịt heo giá 150.000đ/ 1 kg; rau của quả 500.000đ. Tính tổng chi phí mua nguyên vật liệu của cửa hàng trong 1 ngày

A. 2.350.000 đồng

B. 2.460.000 đồng

**C. 2.360.000 đồng**

D. 2.450.000 đồng

Câu 9: Cửa hàng M bán nước giải khát, mỗi tháng bán được: 150 thùng bia, thu lời 20.000đ/1 thùng; 110 thùng nước ngọt, thu lời 12.000đ/ 1 thùng. Tính lợi nhuận của cửa hàng

A. 4.220.000 đồng

B. 1.320.000 đồng

C. 3.000.000 đồng

**D. 4.320.000 đồng**

Câu 10: Doanh nghiệp B kinh doanh 02 mặt hàng, mặt hàng XX có giá 9.000đ/ sản phẩm - mua vào 800 sản phẩm – bán ra toàn bộ với giá 14.000đ/ 1 sản phẩm; mặt hàng ZZ có giá 12.000đ/ 1 sản phẩm - mua vào 500 sản phẩm – bán ra toàn bộ với giá 18.000đ/ 1 sản phẩm. Lợi nhuận của DN B là bao nhiêu?

**A. 7.000.000 đồng**

B. 8.000.000 đồng

C. 6.000.000 đồng

D. 5.000.000 đồng